

Số: /KH-SGDĐT

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 8523/UBND-KGVX ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Công văn số 451/HĐND-VP ngày 27/10/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về thống nhất đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1316/CV-HĐPH ngày 08/4/2025 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GDĐT) ban hành Kế hoạch truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, thông qua các kênh thông tin, báo chí rộng rãi, tương tác đa chiều giữa người dân và doanh nghiệp, các cơ quan đơn vị với cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết.

- Tạo sự đồng thuận xã hội đối với những chính sách hỗ trợ đào tạo, vốn vay, thu hút được ban hành để đáp ứng đầy đủ, kịp thời và thực chất theo yêu cầu của thực tiễn của doanh nghiệp tuyển dụng lao động, góp phần nâng cao chất lượng chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng mục tiêu về giáo dục và đào tạo.

2. Yêu cầu

- Các hình thức thông tin, tuyên truyền phải được triển khai đầy đủ, kịp thời, có trọng tâm để các nội dung chính sách được tuyên truyền lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng; bảo đảm các biện pháp an ninh, an toàn thông tin trong quá trình thực hiện truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

- Tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin góp ý, phản hồi, phản biện xã hội để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (số 65/2025/QH15), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

*“d) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, **giáo dục**, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật.”*

- Căn cứ tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, quy định:

*“c) Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; **biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*

- Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

- Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;

- Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2024-2026, định

hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, được sửa đổi và bổ sung một số nội dung bởi Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025;

1.2. Cơ sở thực tiễn

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ là tỉnh có truyền thống và luôn đi đầu về phát triển lĩnh vực công nghiệp đóng góp vào sự phát triển cho vùng Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành với ưu thế về vị trí và khả năng kết nối chiến lược với các tỉnh thành trong vùng Đông Nam Bộ và các khu vực đô thị năng động khác, đang tạo ra một cơ hội lớn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nhiều lĩnh vực mới ở tỉnh Đồng Nai như Logistics, kinh doanh thương mại, bán lẻ, du lịch, nhà hàng - khách sạn, dịch vụ bất động sản, văn phòng cho thuê.... Như vậy, Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026 không chỉ mở ra một bước ngoặt mới cho ngành hàng không Việt Nam, mà còn là dấu mốc lịch sử quan trọng cho nền kinh tế của tỉnh Đồng Nai. Với sự kỳ vọng hình thành khu thương mại tự do, một nền kinh tế mới, đô thị sân bay,... Đồng Nai đang đứng trước cơ hội lớn để hoà nhập và kết nối sâu rộng với nền kinh tế sản xuất công nghiệp hiện đại từ các nước phát triển trên thế giới (nhóm G7, G20,...), qua đó tạo ra một động lực đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế toàn diện, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 28/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị. Tính đến tháng 7 năm 2025, dân số của tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) là 4.427.700 người; độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 2,36 triệu người, thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh, hàng năm có khoảng từ 35 đến 40 ngàn người tốt nghiệp THPT. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 21 trường cao đẳng, trung cấp và phân hiệu (13 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp), có 06 trường đại học và phân hiệu, hàng năm có quy mô và khả năng đào tạo từ 22 đến 27 ngàn người; căn cứ thực trạng, nhu cầu nguồn nhân lực, nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp trong Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2024-2026, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở những cơ hội, thách thức từ thực tiễn và những định hướng đã được nêu ở trên cũng như thực trạng nguồn nhân lực, thẩm quyền ban hành chính sách có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, các điều kiện đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ của tỉnh Đồng Nai, phục vụ Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành khi đi vào vận hành năm 2026, đặc biệt là ưu tiên cho người dân bị thu hồi đất thuộc Dự án để xây dựng Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tại Cảng.

Vì vậy, việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là rất cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tại chỗ có nhiều cơ hội việc làm trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, góp phần trong việc đảm bảo chính sách an sinh xã hội và đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng đề ra trong giai đoạn 2026 – 2030 và những năm tiếp theo.

2. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

2.1. Mục đích ban hành

- Tạo bước đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Long Thành, góp phần hình thành hệ sinh thái dịch vụ hàng không hiện đại, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026–2030.

- Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực vận hành, khai thác, kỹ thuật, dịch vụ hàng không, logistics, thương mại, du lịch, và các ngành nghề hỗ trợ liên quan đến hoạt động cảng hàng không.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và định hướng phát triển vùng kinh tế sân bay.

- Chính sách tạo điều kiện để học sinh - sinh viên, người lao động của tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là người dân bị thu hồi đất khu vực sân bay quốc tế Long Thành, đáp ứng cao nhất với các yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

2.2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

- Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong và ngoài Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, cũng như khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Đồng thời, phải đảm bảo hiệu quả của chính sách được thực hiện ổn định, lâu dài, hạn chế tối đa không phát sinh thủ tục hành chính.

- Phát huy tối đa về nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; đầu tư phát triển cơ sở giáo dục, phát triển nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn kết với chuyên ngành hàng không, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực tỉnh Đồng Nai theo

nhu cầu vị trí việc làm phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030, phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực qua đào tạo của tỉnh, đặc biệt là ưu tiên người dân có đất bị thu hồi và thuộc diện chính sách theo quy định của nhà nước ban hành.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của chính sách

3.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

- Lĩnh vực đào tạo nhân lực phục vụ trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, gồm các lĩnh vực: Lĩnh vực cảng hàng không; lĩnh vực quản lý bay; lĩnh vực vận tải hàng không; lĩnh vực cung cấp dịch vụ hàng không; lĩnh vực cảng vụ hàng không (*Đính kèm Phụ lục I: Danh mục ngành học trình độ cao đẳng, đại học*).

- Cơ sở đào tạo: Trường đại học, trường cao đẳng có ngành nghề đang đào tạo hoặc liên kết đào tạo liên quan đến chuyên ngành hàng không, cũng như đào tạo nhóm ngành nghề quy định thuộc các lĩnh vực nêu trên.

3.2. Đối tượng áp dụng

- Nhóm 1: Ưu tiên hộ gia đình có đất bị thu hồi, gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai), học sinh tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc dân tộc thiểu số (theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền), thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an đang thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nhóm 2: Công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

4.1. Chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo

a) Mức hỗ trợ học phí nhóm 1 và nhóm 2: Vận dụng thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

- Trình độ cao đẳng: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 (đối với giáo dục nghề nghiệp) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, (*đính kèm Phụ lục II: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027*).

- Trình độ đại học: Vận dụng thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 (đối với giáo dục đại học) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày

03/9/2025 của Chính phủ (đính kèm Phụ lục III: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học).

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí: Học sinh, sinh viên, người lao động thuộc đối tượng ưu tiên nhóm 1 được Nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng, căn cứ vận dụng thực hiện chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp đã được hỗ trợ học phí đào tạo và chi phí sinh hoạt từ các chương trình, dự án khác của Nhà nước thì không được hưởng chính sách này.

c) Điều kiện thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo: Các trường đại học, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, đạt kiểm định chất lượng đào tạo hoặc chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của Nhà nước và có hợp đồng cam kết đầu ra với doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

d) Phương án thực hiện: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở GDĐT thực hiện đặt hàng đào tạo thông qua hợp đồng theo quy định.

4.2. Chính sách hỗ trợ vốn vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên, người lao động thu hút vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Đối tượng: Học sinh, sinh viên, người lao động là đối tượng thuộc nhóm 1 hoặc nhóm 2 của Tờ trình này (không phải là đối tượng theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo tại khoản 1), đang theo học các ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo (theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp hàng không hoạt động trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành) tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Mức vốn cho vay: Vận dụng thực hiện chính sách cho vay theo Điều 7 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 22/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

- Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường.

- Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 05 triệu đồng/tháng.

- Căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

c) Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

d) Phương án cho vay: Nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện theo quy định.

e) Các nội dung về hồ sơ vay vốn, quy trình, thủ tục cho vay và các nội dung khác: áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3. Chính sách thu hút học sinh, sinh viên, người lao động vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành

a) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học, sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh không vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo tại điểm a khoản 1 Mục III Tờ trình này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Tờ trình này.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thì được Nhà nước hỗ trợ chính sách thanh toán 01 hoặc 02 đợt học phí đào tạo trực tiếp cho người học, thông qua tài khoản cá nhân sau khi cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ, thời gian thanh toán theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao thực hiện chính sách.

- Phương án hỗ trợ: UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn Sở GDĐT chủ trì thực hiện hỗ trợ theo quy định.

b) Học sinh, sinh viên, người lao động đi học trình độ cao đẳng hoặc đại học sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Mức hỗ trợ học phí: Bằng với mức hỗ trợ học phí đặt hàng đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Riêng đối tượng ưu tiên nhóm 1 còn được hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và hỗ trợ lãi suất vay theo quy định từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Điều kiện: Học sinh, sinh viên, người lao động sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc đại học không quá 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo và được các doanh nghiệp tuyển dụng (*có thời gian hợp đồng lao động từ 36 tháng trở lên kể từ ngày ký*) vào làm việc ở Cảng hàng không quốc tế Long Thành thì được Nhà nước hỗ trợ thông qua ủy thác tại Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định.

- Phương án hỗ trợ: Ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện hỗ trợ theo quy định.

4.4. Xử lý bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

Vận dụng thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Trường hợp có thay đổi thì áp dụng quy định văn bản mới.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN TRUYỀN THÔNG

1. Hình thức truyền thông

- Truyền thông trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Đồng Nai.
- Thực hiện truyền thông trên Trang Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Công báo tỉnh; Trang Thông tin điện tử/Trang Fanpage Sở GDĐT và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Tổ chức truyền thông tại UBND các xã/phường thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, niêm yết tại bảng tin, màn hình Led, bảng điện tử tại khu dân cư, địa điểm công cộng, lồng ghép trong các loại hình văn hóa cơ sở và các hình thức phù hợp khác.
- Tổ chức các hội nghị, tọa đàm, đối thoại trực tiếp, trực tuyến (nếu có)... để trao đổi, thông tin về dự thảo chính sách của Nghị quyết tới các cơ quan, tổ chức, người dân, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.
- Thông qua hoạt động đóng góp ý kiến, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Thời gian tuyên truyền

Thời gian truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết từ **ngày 05/11/2025** đến hết **ngày 15/11/2025**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục nghề nghiệp Sở GDĐT

- Chủ trì tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin góp ý, phản hồi, phản biện xã hội để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Đôn đốc, theo dõi quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo đúng thời gian quy định (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025).

2. Văn phòng Sở GDĐT

Thực hiện truyền thông, đăng tải phổ biến nội dung dự thảo Nghị quyết trên Trang Thông tin điện tử Sở GDĐT; Trang Fanpage (Thông tin Sở GDĐT).

3. Đề nghị Sở Tư pháp phối hợp thực hiện đăng tải, truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Trang Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh.

4. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai phối hợp thực hiện đăng tải đầy đủ nội dung dự thảo Nghị quyết trong thời hạn 10 ngày để lấy ý kiến

công khai, rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Đề nghị UBND các xã, phường phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức truyền thông trên hệ thống đài truyền thanh, trang thông tin điện tử của đơn vị, niêm yết tại các địa bàn dân cư về hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

6. Đề nghị các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp sử dụng lao động trong Cảng hàng không quốc tế Long Thành, triển khai thực hiện truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở GDĐT kính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm phối hợp thực hiện./.

Đính kèm hồ sơ dự thảo Nghị quyết gồm:

(1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(2) Dự thảo Tờ trình quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(3) Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, Ban ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDNN._(KLinh)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Đăng Bảo Linh

PHỤ LỤC I**DANH MỤC NGÀNH HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDĐT ngày tháng 11 năm 2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	TÊN NGÀNH HỌC
1	Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh doanh, Marketing, Kinh tế quốc tế, Logistics, Thương mại.
2	Luật
3	Ngoại ngữ, Quan hệ quốc tế, Đông phương học
4	Quản trị nhân sự, quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hộ lao động, An toàn lao động, Bảo hiểm xã hội, Quản trị nhà hàng-khách sạn, Quản trị nhà hàng, Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Du lịch, Quản lý chất lượng, Quản lý hoạt động bay,
5	Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học
6	Sư phạm, Đào tạo huấn luyện.
7	Truyền thông, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, An toàn thông tin, Thông tin – Thư viện, Văn thư lưu trữ
8	Cơ khí, Tự động hoá, Điện, Điện tử, viễn thông, Công nghệ thông tin, Điều hoà không khí, Công nghệ kỹ thuật điện tử, Cơ – nhiệt lạnh, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô, Giao thông, Môi trường
9	Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Quy hoạch, Cấp thoát nước, Kỹ thuật công nghệ môi trường, Vận hành máy thi công, Cơ giới hóa xây dựng, Sửa chữa thiết bị nặng, Công nghệ hàn, Thực phẩm, Công nghệ thực phẩm

PHỤ LỤC II: TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 9 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục nghề nghiệp)

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 11 năm 2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

ĐVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
		Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 9	Mức học phí tối đa
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.600	02 lần	3.200
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.700	02 lần	3.400
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.400	02 lần	4.800
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	2.300	02 lần	4.600
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.650	02 lần	3.300
6	Sức khỏe	2.800	02 lần	5.600
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	2.000	02 lần	4.000
8	An ninh, quốc phòng	2.200	02 lần	4.400

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí tối đa không quá 02 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của năm học 2026 - 2027./.

PHỤ LỤC III: TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Thực hiện tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 10 và Điều 27 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (đối với giáo dục đại học)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 11 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào Tạo)

DVT: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Năm học 2026 - 2027 đến năm học 2030 - 2031		
			Năm học 2026 - 2027	Khoản 2 Điều 10	Mức học phí tối đa
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	714	1.790	02 lần	3.580
2	Nghệ thuật	721	1.710	02 lần	3.420
3	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	734, 738	1.790	02 lần	3.580
4	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	742, 744	1.930	02 lần	3.680
5	Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764	2.090	02 lần	4.180
6	Sức khỏe	772			
6.1	Điều dưỡng - hộ sinh, dinh dưỡng, răng - hàm - mặt (nha khoa), kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế, khác	77203, 77204, 77205, 77206, 77207, 77208, 77290	2.660	02 lần	5.320
6.2	Dược học, y học	77201, 77202	3.500	02 lần	7.000
7	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	722, 731, 732, 776, 781, 784, 785	1.910	02 lần	2.820
8	Lĩnh vực khác (ngành ghép, liên ngành)	790	Bảng mức trung bình cộng học phí của các ngành nêu trên có trong ngành ghép, liên ngành	02 lần	Theo thực tế sau khi tính trung bình

Ghi chú: Mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, mức học phí được xác định tối đa không quá 02 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của năm học 2026 - 2027, tương ứng với từng khối ngành và từng năm học./.